 Luật sư: Attorney (M) – Barrister, Solicitor (A)  
\* Hiệu sách: Bookstore (M) – Bookshop (A)  
\* Ô tô: Automobile (M) – Motor car (A)  
\* Bản mẫu có chỗ trống để điền vào: Blank (M) – Form (A)  
\* Danh thiếp: Calling card (M) – Visiting card (A)  
\* Kẹo: Candy (M) – Sweets (A)  
\* Cửa hàng kẹo: Candy store (M) – Sweet shop (A)  
\* Toa xe lửa: Car (M) – Coach, carriage (A)  
\* Ngô: Corn (M) – Maize, Indian corn (A)  
\* Lúa mì: Crain, wheat (M) – Corn (A)  
\* Thị sảnh: City Hall (M) – Town Hall (A)  
\* Bánh quy: Cracker (M) – Biscuit (A)  
\* Đạo diễn điện ảnh: Director (M) – Producer (A). Chú ý: ở Mỹ, producer là giám đốc, chủ rạp hát (ở Anh thì dùng manager, proprietor)  
\* Trung tâm doanh nghiệp thành phố: Downtown (M) – City (A)  
\* Hiệu thuốc: Drugstore (M) – Chemist’s, Chemist’s shop (A)  
\* Thang máy: Elevator (M) – Lift (A)  
\* Xăng: Gas, gasonline (M) – Petrol (A)  
\* Dầu hỏa: Kerosene (M) – Paraffin (A)  
\* Mùa thu: Fall (M) – Autumn (A)  
\* Tên (người): First name hay given name (M) – Christian name (A)  
\* Vỉa hè: Sidewalk (M) – Pavement (A)  
\* Đường sắt: Railroad (M) – Railway (A)  
\* Cửa hàng tự phục vụ: Supermarket (M) – Self-service shop (A)  
\* Sinh viên năm thứ nhất: Freshman (M) – First year student (A)  
\* Sinh viên năm thứ hai: Sophomore (M) – Second year student (A)  
\* Sinh viên năm thứ ba: Junior (M) – Third year student (A)  
\* Sinh viên năm cuối: Senior (M) – Last year student (A)